

GIỚI THIỆU SÁCH

TÔN GIÁO HỌC LÀ GÌ?

Trương Chí Cương

Người dịch: Trần Nghĩa Phương

Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh,
2007, 466 tr.

Tôn giáo học là gì? của tác giả Trương Chí Cương là một phần của bộ sách *Khoa học nhân văn là gì?*, một bộ giáo trình dành cho không chỉ sinh viên các khoa khoa học xã hội mà còn cho cả khoa học tự nhiên và khoa học kĩ thuật của Trường Đại học Bắc Kinh, Trung Quốc, xuất bản năm 2001. Ngoài *Lời tựa* (cho cả bộ sách *Khoa học nhân văn là gì?*) của Hiệu trưởng Trường Đại học Bắc Kinh Hứa Trí Hồng và phần *Dẫn luận* của tác giả, nội dung sách được chia làm 2 phần: *Phần I: Học thuật tổng quát* và *Phần II: Vấn đề tiêu điểm*.

Trong phần *Dẫn luận*, tác giả giới thiệu một cách khái quát về lịch sử ra đời và phát triển của bộ môn tôn giáo học. Theo đó, nghiên cứu tôn giáo đã có từ lâu, nhưng tôn giáo học, với tư cách là một môn khoa học nhân văn, được cho là chính thức xuất hiện vào cuối thế kỉ XIX, gắn liền với tên tuổi của Friedrich Max Muller (1823-1900), một người vốn sinh ra ở Đức nhưng gần như dành cả cuộc đời cho nghiên cứu triết học và tôn giáo học ở Viện Nghiên cứu Khoa học Anh quốc thuộc Hội Khoa học Hoàng gia Anh quốc.

Năm 1870, trong tập *Bốn bài giảng tôn giáo học* (đến năm 1893, tập sách này được xuất bản và đổi tên thành *Tôn giáo học dẫn luận*), F.M. Muller đã đưa ra những luận điểm hết sức cơ bản khi nghiên cứu về tôn giáo học như: tôn giáo học là một môn học tìm hiểu bản chất của tôn giáo, tôn giáo học không phải là “thần học” mà là “nhân học”, phải dùng phương pháp so sánh khi nghiên cứu các hiện tượng tôn giáo, chỉ hiểu một loại tôn giáo là không hiểu tôn giáo, v.v... Cho dù một số quan điểm của ông, đặc biệt là những kiến giải về

nguồn gốc tôn giáo, đã không còn được sử dụng ngay khi ông còn sống nhưng chỉ với câu nói: “Nên tiến hành so sánh một cách thực sự khoa học, không thiên lệch, tất cả các tôn giáo của nhân loại, chỉ ít thì cũng nên tiến hành với những tôn giáo quan trọng nhất; trên cơ sở đó xây dựng bộ môn tôn giáo học, hiện nay chỉ còn là vấn đề thời gian thôi” thì tên tuổi và sự nghiệp của ông cũng xứng đáng được ghi vào lịch sử ngành tôn giáo học.

Như vậy, kể từ cuối thế kỉ XIX, với tên tuổi của F.M. Muller, tôn giáo học đã trở thành một môn khoa học nhân văn tương đối độc lập, dần dần có hệ thống, có hình thái hiện đại với tính giao thoa liên ngành hoặc tính tổng hợp. Sự phức tạp của đối tượng mà tôn giáo học nghiên cứu, lĩnh vực rộng lớn mà tôn giáo đề cập đến, tầm quan trọng của vấn đề mà tôn giáo phát hiện, mức độ quyết liệt của cuộc tranh luận mà tôn giáo gây ra,... đã làm cho nó trở thành một trong những bộ môn nổi bật hoặc hàng đầu trong lĩnh vực khoa học nhân văn hiện nay. Tuy nhiên, về tổng thể, tôn giáo học còn cần thêm thời gian để trở thành một bộ môn khoa học trưởng thành, vì cho đến hiện nay, nó không những chưa hình thành được một loại hệ thống lí luận nào đó để có thể phổ biến rộng rãi, mà còn ngay cả những phân ngành, đề tài, quan điểm, đặc biệt là về phương pháp luận đã có cũng đều còn nhiều bất đồng ý kiến.

Trong Phần I, *Học thuật tổng quát*, để nắm bắt được “dáng vóc tư tưởng non trẻ” riêng của tôn giáo học, tác giả tập trung đề cập đến một số phân ngành lí luận chủ yếu của bộ môn khoa học này như:

Nhân học tôn giáo với hai đại diện tiêu biểu là Sir James G. Frazer (1854-1941) với những nghiên cứu chủ yếu về vấn đề khởi nguồn tôn giáo; và Bronislaw Kasper Malinowski (1884-1942) với những nghiên cứu chủ yếu về công năng tôn giáo nguyên thủy.

Xã hội học tôn giáo với hai đại diện tiêu biểu là Emile Durkheim (1858-1917) với những nghiên cứu chủ yếu về nguồn gốc bản chất tôn giáo nguyên thủy; và Max Weber (1864-1920) với những nghiên cứu chủ yếu về quan hệ giữa truyền thống luân lí tôn giáo với tinh thần chủ nghĩa tư bản.

Tâm lí học tôn giáo với ba đại diện tiêu biểu là William James (1842-1910), Sigmund Freud (1856-1939) và Carl Gustav Jung (1875-1961). Họ là

những đại diện tiêu biểu của hai ngành tâm lí học hiện đại là tâm lí học thực nghiệm và tâm lí học tăng sâu cũng chính là lí do hình thành hai khuynh hướng lớn của tâm lí học tôn giáo: “nghiên cứu kinh nghiệm tôn giáo cá thể” và “nghiên cứu tín ngưỡng tôn giáo và tâm lí văn hoá”.

Ngôn ngữ học tôn giáo, chủ yếu là “ngôn ngữ học tôn giáo trong con mắt của nhà triết học”, với đại diện tiêu biểu là các nhà triết học như Alfred Jules Aye (1910-1989), John Wisdom (1904-?), Antony Flew (1923-?), R.M. Hare (1919-?), Basil Mitchell (1917-?), John Hick (1922-?). Với một loạt những truyện ngụ ngôn giàu tính triết lí, họ đã tập trung vạch ra một cách rất hình tượng những điều rắc rối khó giải quyết còn tồn tại về vấn đề ý nghĩa của mệnh đề thần học và những thuật ngữ dùng trong tôn giáo.

Văn hoá học tôn giáo với những đại diện tiêu biểu, bên cạnh Max Weber và Bronislaw Kasper Malinowski, còn là Christopher Dawson (1889-1970) với những nghiên cứu chủ yếu về sự biến đổi của văn hoá theo hình ảnh của tín ngưỡng tôn giáo và động cơ căn bản của tôn giáo tín ngưỡng đối với văn hoá; Arnold Joseph Toynbee (1889-1975) với những nghiên cứu chủ yếu về vấn đề quan hệ giữa tôn giáo truyền thống với xã hội văn minh (văn hoá nghĩa rộng); Ernst Cassirer (1873-1945) với những nghiên cứu chủ yếu mối quan hệ giữa “thần thoại - tôn giáo” với văn hoá nhân loại dưới góc độ triết học văn hoá.

Trong Phần II, *Vấn đề tiêu điểm*, tác giả phân tích rõ những vấn đề cơ bản không chỉ là toàn bộ nội dung của tôn giáo học mà còn là của lịch sử tư tưởng tôn giáo. Cụ thể, nội dung phần II gồm hai bộ phận:

Một là, bốn loại quan điểm chủ yếu về vấn đề bản chất của tôn giáo và những tranh luận sôi nổi về nó. Bốn quan điểm đó là: *tôn giáo và lí trí* (lí trí luận) với các quan điểm tiêu biểu của Bertrand Russell (1872-1970) và Richard Swinburn (1934-?), *tôn giáo và tình cảm* (tình cảm luận) với các quan điểm tiêu biểu của Friedrich Schleiermacher (1768-1834) và Rudolf Otto (1869-1937), *tôn giáo và ý chí* (ý chí

luận) với các quan điểm tiêu biểu của Blaise Pascal (1623-1662) và William James (1842-1910), và *tôn giáo và mối quan tâm tối thượng* (tối thượng luận) với các quan điểm tiêu biểu của Paul Tillich (1886-1965) và Ninian Smart (1927-?).

Hai là, ba loại lập trường chủ yếu về vấn đề đối thoại tôn giáo và những phê bình lẫn nhau giữa chúng. Ba lập trường đó là *bài tha luận*, *thôn tính luận* và *đa nguyên luận*. Theo Hans Kung (1928-?), nhà triết học tôn giáo đương đại nổi tiếng, người đề xướng “đối thoại tôn giáo” thì: “Không có hoà bình giữa các tôn giáo, thì không có hoà bình giữa các dân tộc. Không có đối thoại giữa các tôn giáo, thì không có hoà bình giữa các tôn giáo. Không nghiên cứu về các tôn giáo, thì không có đối thoại giữa các tôn giáo”.

Mối quan hệ của hai bộ phận trong Phần II của cuốn sách là sự nghiên cứu của cái trước tập trung vào 3 phương diện cơ bản của hoạt động tinh thần nhân loại - lí trí, tình cảm, ý chí và quan hệ giữa chúng, cái sau thì tập trung chú ý vào quan hệ tôn giáo thế giới trong bối cảnh văn hoá hiện đại, nhằm thẳng vào quan niệm chân lí của các tôn giáo đang xung đột nhau mà truy tìm đến tận gốc rễ vấn đề: rốt cục tôn giáo là gì? câu trả lời của các tôn giáo rốt cục có căn cứ gì? phải chăng nên tiến hành đối thoại về vấn đề này? Theo tác giả, trên cơ sở cái trước mà suy nghĩ đến cái sau, chúng ta sẽ tiếp cận được vấn đề hàng đầu của việc nghiên cứu tôn giáo hiện nay.

Nhìn chung, có thể khẳng định, *Tôn giáo học là gì?* là một công trình nghiên cứu cơ bản, khoa học, công phu và nghiêm túc về “dáng vóc tư tưởng non trẻ” của tôn giáo học. Nội dung cuốn sách chắc chắn sẽ mang lại những bổ ích thiết thực cho giới nghiên cứu tôn giáo học Việt Nam về các phương pháp nghiên cứu và những vấn đề trọng tâm của bộ môn khoa học nhân văn này. Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc gần xa.

Lê Gia Hán